

Mã đề thi 321

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

A. Thái Nguyên.

B. Cao Bằng.

C. Nghĩa Lộ.

D. Bắc Kạn.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Hà Tĩnh.

B. Quảng Trị.

C. Nghệ An.

D. Quảng Bình.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác apatit?

A. Lào Cai.

B. Thái Nguyên.

C. Cao Bằng.

D. Điện Biên.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Đắk Nông.

B. Lâm Đồng.

C. Kon Tum.

D. Đắk Lắk.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

A. Hữu Nghị.

B. Nậm Cắn.

C. Tây Trang.

D. Cầu Treo.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

A. Vũng Tàu.

B. Cần Thơ.

C. Hải Phòng.

D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su trong các tỉnh sau đây?

A. Vĩnh Long.

B. Bình Phước.

C. Hậu Giang.

D. Sóc Trăng.

Câu 48: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

A. thác nước.

B. than đá.

C. thủy triều.

D. sức gió.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

A. Thanh Hóa.

B. Ninh Bình.

C. Nam Định.

D. Thái Bình.

Câu 50: Làm ruộng bậc thang trong sản xuất ở đồi núi nước ta là biện pháp để

A. ngăn hạn mặn.

B. chống ngập úng.

C. hạn chế xói mòn.

D. ngăn lũ quét.

Câu 51: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là

A. môi trường.

B. thủy lợi.

C. giống cây.

D. nước ngầm.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

A. Hà Tĩnh.

B. Kon Tum.

C. Cao Bằng.

D. Trà Vinh.

Câu 53: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta vào mùa khô?

A. Sóng thần.

B. Hạn mặn.

C. Ngập lụt.

D. Bão biển.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

A. Vinh.

B. Hạ Long.

C. Nam Định.

D. Thanh Hóa.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Chí Linh?

A. Rào Cò.

B. Pu Xai Lai Leng.

C. Phu Pha Phong.

D. Phu Hoạt.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

A. Thiên Cầm.

B. Khe Sanh.

C. Đá Nhảy.

D. Thuận An.

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
B. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia.
C. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
D. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma.

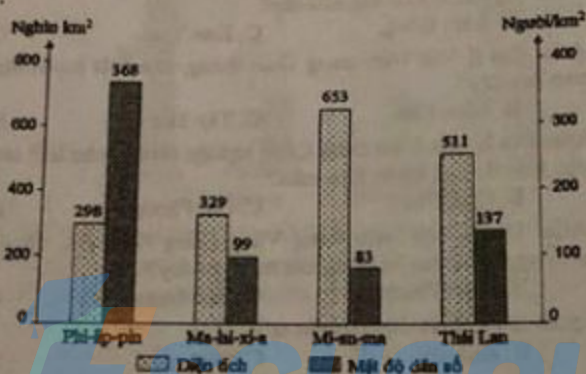
Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Đồng Hới. B. Nha Trang. C. Sa Pa. D. Đà Nẵng.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Cà Mau. B. Mỹ Tho. C. Biên Hòa. D. Long Xuyên.

Câu 60: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin.
B. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma.
C. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a.
D. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma.

Câu 61: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố

- A. tập trung. B. phân tán. C. khắp mọi nơi. D. rất đồng đều.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Lục Nam. B. Sông Hồng. C. Sông Kinh Thầy. D. Sông Thương.

Câu 63: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi.
B. được mở rộng và phủ khắp các vùng.
C. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc.
D. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.

Câu 64: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

- A. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên.
B. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.
C. phân bố tập trung tại các vùng núi.
D. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm.

Câu 65: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. các loại gió thổi theo mùa.
B. nhiều vùng núi khác nhau.
C. một số loại đất độ phì cao.
D. thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 66: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.
B. phát triển rộng rãi khắp các vùng.
C. góp phần vào phát triển nhiệt điện.
D. có sản lượng đều nhau ở các năm.

Câu 67: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

- A. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển.
B. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ.
C. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.
D. chỉ chú trọng vào các loài cá quý.

Câu 68: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

- A. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ.
B. hình thành các vùng chuyên canh.
C. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu.
D. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước.

Câu 69: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. phát triển nhanh kinh tế thị trường.
B. tăng cường quá trình hiện đại hóa.
C. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
D. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

Câu 70: Dân cư thành thị nước ta hiện nay

- A. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao.
B. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng.
C. hầu hết hoạt động trong công nghiệp.
D. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số.

Câu 71: Vùng Tây Nguyên có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của dãy núi Trường Sơn, bão.
B. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió Tây, dãy núi Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
D. gió đông bắc, địa hình, khối khí nóng ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương, vị trí địa lí.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng đặc dụng ở Tây Nguyên là

- A. bảo vệ động vật hoang dã, tăng độ che phủ.
B. phòng xói mòn, bảo đảm cân bằng sinh thái.
C. giữ gìn cảnh quan, bảo vệ đa dạng sinh học.
D. tăng nguồn nước ngầm, góp phần chống lũ.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng diện tích.
B. bố trí cây trồng hợp lí, phát triển thủy lợi.
C. quy hoạch, đẩy mạnh nông sản xuất khẩu.
D. tăng vụ, phát triển lợi thế của các khu vực.

Câu 74: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. khai thác thế mạnh, đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.
B. mở rộng phân bố sản xuất, tạo mô hình kinh tế mới, bảo vệ môi trường.
C. giải quyết việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, sử dụng hợp lí tài nguyên.
D. đa dạng nông sản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường sản xuất lớn.

Câu 75: Trị giá nhập khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. thị trường mở rộng, hội nhập toàn cầu sâu.
B. công nghiệp đa dạng, giao thông phát triển.
C. dân số tăng, các đô thị ngày càng mở rộng.
D. sản xuất tăng trưởng, chất lượng sống tăng.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỀN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu lượt người/km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	14 271,1	34 189,2	36 379,3	25 781,4
Quốc tế	27 797,3	33 666,8	41 023,5	8 343,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

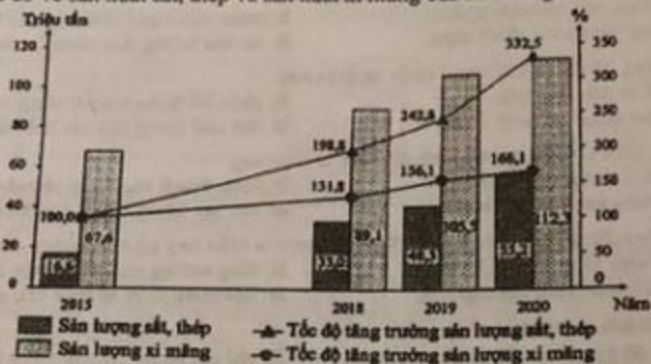
Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Tròn, đường, miền.
B. Miền, cột, tròn.
C. Đường, tròn, cột.
D. Cột, đường, miền.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu phát triển cây thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thúc đẩy chuyên canh, tăng cường cơ giới hóa.
B. đa dạng nông sản, ứng dụng tiến bộ khoa học.
C. sử dụng các giống tốt, nâng trình độ lao động.
D. sản xuất thâm canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

Câu 78: Cho biểu đồ về sản xuất sắt, thép và sản xuất xi măng của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.
 B. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
 C. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
 D. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển đa dạng cây trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, khai thác các tiềm năng.
 B. tạo nông sản phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu, sử dụng hợp lý tự nhiên.
 C. nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.
 D. thúc đẩy sản xuất, khai thác sự phân hóa thiên nhiên, giảm thiểu rủi ro.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hình thành đô thị, giải quyết vấn đề việc làm.
 B. phát triển sản xuất, thay đổi bộ mặt của vùng.
 C. thu hút đầu tư, tạo nguồn sản phẩm xuất khẩu.
 D. mở rộng thương mại, khai thác các nguồn lực.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

F SCHOOL